

**TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 9 – 2022

V/v tranh chấp về hôn N và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên.

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án N dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhàn là Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn N và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*, đường LD, tổ \*\*, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh ĐT.

**- Bị đơn:** Anh Hà Thanh N, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*, ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

*Chị Võ Thị Cẩm L là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, anh Hà Thanh N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm L trình bày:**

*Về hôn N:* Vào năm 2008, chị L và anh N quen biết, tự tìm hiểu với

nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố Cao Lãnh vào ngày 18/4/2008. Hôn N của chị L và anh N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh N không chăm lo gia đình mà tham gia đánh bạc gây nợ nần cho gia đình. Chị L đã nhiều lần trả nợ thay cho anh N, có khuyên bảo anh N chăm lo làm ăn nhưng anh N không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, do chị L không đồng ý hàn gắn. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Nay, chị Võ Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với anh Hà Thanh N.

*Về con chung:* Chị L và anh N có hai con chung tên Hà BN, sinh ngày 05/4/2009 và Hà BM, sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Hà Thanh N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:* Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

*Việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm L.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Giấy khai sinh của Hà BN và Hà BM (Bản sao).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử*

*nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn N và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Hà Thanh N cư trú tại ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Hà Thanh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn N: Chị Võ Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với anh Hà Thanh N.

Xét thấy, chị L và anh N kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường \*\*, thành phố CL, tỉnh ĐT vào ngày 18/4/2008, là hôn N hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống và mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị L và anh N ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, tại phiên tòa chị L xác định, giữa chị và anh N không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn N giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được. Do đó, chị Võ Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với anh Hà Thanh N là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn N và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà BN, sinh ngày 05/4/2009 và Hà BM, sinh ngày 10/8/2012.

Xét thấy, chị L xác định, hiện nay chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là BN và BM. Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 28/6/2022, cháu BN và cháu BM đều có nguyện vọng sống chung với chị L. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho cháu BN và cháu BM có sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Vì vậy, giao con chung là BN và BM cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, chị L và anh N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị L cùng

các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh N lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh N theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn N và gia đình năm 2014.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh N không có ý kiến về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định, không yêu cầu giải quyết; anh N không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Cẩm L phải chịu án phí về hôn N và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm L.

- *Về hôn N:* Chị Võ Thị Cẩm L được ly hôn với anh Hà Thanh N.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Hà BN, sinh ngày 05/4/2009 và Hà BM, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Võ Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Chị L và anh N có quyền, nghĩa trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Võ Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0010097, ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp đủ tiền án phí về hôn N và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường \*\*, thành phố
- CL, tỉnh ĐT (Số 30/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Võ Văn Hồng Biên**